

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 528/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-7-2022.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Tạ Công Minh**

2/ Ông **Nguyễn Văn Y**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “**Ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 13 ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 13 ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh năm 1992 đã trưởng thành; Nguyễn Minh T2, sinh năm 1996 đã trưởng thành; Nguyễn Thị Như M, sinh năm 2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**** Tại biên bản hòa giải của Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung đúng như chị L trình bày. Nay ly hôn anh đồng ý giao cháu Như M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án không công nhận chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Như M, sinh năm 2008 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con do đó không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị L, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu của chị Lê Thị L:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1991 cho đến nay. Chị L và anh T có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng đã không tiến hành các thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L và anh T không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị L và anh T không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh năm 1992 đã trưởng thành; Nguyễn Minh T2, sinh năm 1996 đã trưởng thành; Nguyễn Thị Như M, sinh năm 2008. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu M đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng sống với chị L. Chị L và anh T đều thống nhất giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, do đó không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Lê Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 22/02/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020438 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị Lê Thị L, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn